

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151a/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Luật
2. Ông Nông Văn Vụ

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 118/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2017/HNGĐ ST- QĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lô Thị Minh H - Sinh năm 1983; Dân tộc: Tày;
Cư trú tại: Thôn HĐ, xã ML, huyện YM, tỉnh Hà Giang;
(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân T - Sinh năm 1982; Dân tộc: Tày;
HKTT: Tổ C, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;
(Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Đội M, K6, Trại giam PS, tỉnh Thái Nguyên);
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lô Thị Minh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị Minh H và anh Nguyễn Xuân T kết hôn vào năm 2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 22/3/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, chị H làm bưu tá tại phường SH còn anh T là lao động tự do.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy và bị Tòa án xử phạt hai lần, lần gần đây nhất là năm 2015 anh T bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt 12 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Tàng trữ vũ khí quân dụng. Hiện anh T đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam PS, Thái Nguyên.

Về việc anh T nghiện ma túy: Gia đình, họ hàng, tổ dân phố góp ý động viên anh T cai nghiện nhưng anh T không sửa đổi được, từ đó dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Tại tòa chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh T (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 13/6/2010. Sau khi ly hôn, chị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Nguyễn Xuân T ngày 24/7/2017 (Có xác nhận của Ban giám thị Trại giam PS), bị đơn là anh Nguyễn Xuân T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T nhất trí với ý kiến của chị H về điều kiện và thời gian kết hôn. Anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống khó khăn và nhiều vấn đề nảy sinh giữa hai vợ chồng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn chưa được chính quyền can thiệp lần nào. Tháng 9 năm 2015 anh T bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt 12 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ vũ khí quân dụng" theo bản án số 56/2015/HSST ngày 28/9/2015 và hiện nay đang chấp hành hình phạt tù. Anh T xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu và tình cảm vợ chồng không còn; chị H yêu cầu ly hôn, anh T nhất trí, đề nghị tòa giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Anh T xác nhận quá trình chung sống chị H và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh T (Giới tính: nữ) - sinh ngày 13/6/2010; Do hiện nay bản thân anh T đang chấp hành hình phạt tù nên sau khi ly hôn, con chung sẽ do chị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đồng thời, anh T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử ly hôn vắng mặt anh T.

Do trong vụ án này, con chung của chị H và anh T là cháu Nguyễn Ngọc Anh T đủ 07 tuổi, Tòa án tiến hành lấy lời khai ghi ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc

Anh T, theo đó nguyện vọng của cháu T trong trường hợp bố mẹ ly hôn cháu muốn sống cùng mẹ là chị Lô Thị Minh H vì mẹ là người có đủ điều kiện cho cháu phát triển về mọi mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 09/2017/QĐ-TUTA ngày 20/7/2017 cho Trại giam PS, Thái Nguyên tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho anh Nguyễn Xuân T, cho anh T viết bản tự khai và lập biên bản lấy lời khai trong trường hợp anh T khai không đầy đủ hoặc không rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy chị H và anh T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí thuận tình ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Hai bên đã thỏa thuận được với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và công nhận. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị H và anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và ban hành bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về mặt tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã có ủy thác cho Trại giam PS, Thái Nguyên tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Nguyễn Xuân T hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam PS. Đồng thời, ủy thác cho Trại giam PS tiến hành cho anh T viết bản tự khai theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời, anh T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về hôn nhân: Chị Lô Thị Minh H kết hôn với anh Nguyễn Xuân T năm 2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 22/3/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường SH, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Lô Thị Minh H và anh Nguyễn Xuân T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

3. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của chị H và anh T, kết quả xác minh cho thấy chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn với nhau từ năm 2012 và nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T đều thừa nhận hai vợ chồng trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù nguyên nhân của chị H và anh T đưa ra là khác nhau, tuy nhiên có thể xác định được rằng nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do anh T nghiện ma túy và hiện đang chấp hành hình phạt tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Sau khi mâu thuẫn xảy ra, anh T không khắc phục được sai lầm, các bên không có biện pháp nào khắc phục tình cảm vợ chồng và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau thể hiện qua thời gian sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Trong khi đó, quyền và nghĩa vụ vợ chồng được quy định trong Luật hôn nhân gia đình, tại Điều 19 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Chị H và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bổn phận của người đó. Hơn nữa, tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu tòa giải quyết cho ly hôn.

Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã được hòa giải nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả và đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do đó, cho chị H và anh T ly hôn theo đơn khởi kiện của chị H, ý kiến của anh T cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

4. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh T (Giới tính: nữ) - sinh ngày 13/6/2010. Do hiện nay bị đơn là anh T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam PS, cho nên chị H và anh T đều thống nhất con chung sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, không đặt ra vấn đề trợ cấp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh hiện nay của chị H và anh T, xem xét nguyện vọng của con chung cần chấp nhận giao con chung cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo điều kiện vật chất và nhu cầu phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung.

5. Về tài sản chung: Chị H và anh T đều xác nhận không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết trong vụ án này.

Nợ chung, nợ riêng: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết do hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lô Thị Minh H và anh Nguyễn Xuân T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh T (Giới tính: nữ) - sinh ngày 13/6/2010 cho chị Lô Thị Minh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lô Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000153 ngày 20/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lô Thị Minh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Na